

TH, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/V Yêu cầu chia tài sản chung để thi hành án**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Xuân Thành

Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 21/7/2025 về việc “Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án”, theo quyết định mở phiên họp số: 64/2025/QĐST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 52/2025/QĐST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2025; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Phạm Văn L – Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn TS, xã TL, tỉnh TH.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1984

2. Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH.

Tại phiên họp có mặt người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Phạm Văn L, vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T. Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp giải quyết việc dân sự người yêu cầu anh Phạm Văn L trình bày: Chị Phạm Thị T có nợ anh số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Do quá hạn trả tiền nhưng chị Thương không trả tiền cho anh nên anh đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH. Theo Quyết định số:16/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6

năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH thì chị Phạm Thị T phải trả cho anh số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Sau khi xác minh điều kiện thi hành án, chị Phạm Thị T không có tài sản riêng và chỉ có 01 tài sản chung với ông Phạm Văn T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng Bình Sơn, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL 987164 do UBND huyện NL cấp ngày 10/9/2013 cho ông Phạm Văn M, Ngày 16/12/2022 Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện NL xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T và vợ là bà Phạm Thị T cùng trú tại: Thôn LT, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn LT, xã TL, tỉnh TH). Ngày 03 tháng 6 năm 2025, Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL ra thông báo số 197/TB-THADS thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án.

Anh yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH giải quyết: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị Phạm Thị T - Sinh năm: 1984, hiện đang trú tại: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH để thi hành án đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng BS, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL 987164 do UBND huyện NL cấp ngày 10/9/2013 cho ông Phạm Văn M, Ngày 16/12/2022 Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện NL xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T và vợ là bà Phạm Thị T cùng trú tại: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH.

Mục đích yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản chung của người phải thi hành án, đề thi hành Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, (nay là Phòng Thi hành án dân sự số 10 - TH).

Tại phiên họp người yêu cầu anh Phạm Văn L cũng thừa nhận anh được trực tiếp tham gia buổi xem xét thẩm định do Tòa án tiến hành, các thông tin và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được cung cấp bởi chuyên viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai NL, trong biên bản thẩm định hội đồng thẩm định đã thống nhất toàn bộ nội dung, các thành phần tham gia đều được nghe và thống nhất, tại phiên họp anh không có ý kiến về diện tích theo hiện trạng đo thực tế là 120,5m² ít hơn so với diện tích đất được Nhà nước cấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T và chị T, đối với diện tích đất ít hơn này anh không có ý kiến gì đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích đất thực tế đo vẽ tại phiên thẩm định để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T trình bày: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 21/6/2024 chị có trách nhiệm trả cho anh Phạm Văn L số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), Do tình hình kinh tế khó khăn nên chị chưa trả được, anh L yêu cầu Tòa án xác minh phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của chị tại thửa đất số 78, tờ bản

đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng BS, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH). Nhưng thửa đất này là do bố chồng chị mua cho chị vào năm 2012, đến năm 2022 thì chuyển nhượng sang tên vợ chồng chị. Hiện tại thửa đất trên mang tên Phạm Văn T và Phạm Thị T. Do có nhiều lý do khác nhau giữa quan điểm của vợ chồng chị nên chị xin được trả nợ dân cho anh L, đề nghị Tòa án xem xét. Số tiền nợ trên giữa chị và anh L không liên quan đến chồng chị anh Phạm Văn T nên anh Thông không có ý kiến gì đối với vụ việc. Quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự xác định quyền sở hữu tài sản chung để thi hành án bản thân chị hoàn toàn thống nhất không chống đối, chị đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu của anh Phạm Văn L nhưng anh Thông không có mặt nên không có lời khai của anh Thông trong vụ án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên họp: Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Thành phần giải quyết việc dân sự và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi tiến hành phiên họp, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị chủ tọa phiên họp áp dụng: Khoản 9 Điều 27; khoản 1 Điều 35; điểm n khoản 1 Điều 39; Điều 366; Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 28; Điều 33; Điều 34; Điều 37 và Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 74 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng với tài sản của người phải thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của chị Phạm Thị T với anh Phạm Văn T đang sử dụng tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10 có diện tích đo thực tế là 20,5m² địa chỉ thửa đất: Làng BS, xã TL, huyện NL, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH). Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng của Tòa án: anh Phạm Văn L là người được thi hành án, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng với tài sản của người phải thi hành án chị Phạm Thị T để thực hiện nghĩa vụ thi hành án, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm n khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết: Trong đơn yêu cầu anh Phạm Văn L yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng với tài sản của người phải thi hành án để xác định phần Quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: Làng BS, xã TL, huyện

NL, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) mang tên Phạm Văn T, Phạm Thị T. Tòa án thụ lý giải quyết đồng thời Tòa án phải tiến hành xem xét thẩm định tài sản nên thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu được kéo dài là phù hợp với quy định tại Điều 366 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu giải quyết: Căn cứ kết quả xem xét thẩm định, biên bản xác minh do đương sự cung cấp, do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định được thì: Diện tích đất và tài sản trên đất mà anh Phạm Văn L yêu cầu phân chia là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng BS, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) mang tên Phạm Văn T, Phạm Thị T có nguồn gốc là của ông Phạm Văn M, Ngày 16/12/2022 Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện NL xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T và vợ là bà Phạm Thị T cùng trú tại: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH.

[3.1] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2025 theo xác định của hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và sự thống nhất của đương sự tại buổi thẩm định, tài sản chung xác định để phân chia của chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T hiện tại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng BS, xã TL, huyện NL, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) mang tên Phạm Văn T, Phạm Thị T có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 125,3m² trong đó đất ở tại nông thôn là 107,0m², đất trồng cây hàng năm là 18,3m².

[3.2] Kết quả đo đạc thực tế thì thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: làng BS, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) mang tên Phạm Văn T, Phạm Thị T có tổng diện tích là 120,5m² các cạnh giáp ranh cụ thể có sơ đồ kèm theo. Nguyên nhân diện tích đất khi đo thực tế bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do các hộ dân cư tại khu vực tự nguyện hiến đất mở rộng đường (phần diện tích đất tự nguyện hiến đất của hộ chị T và anh T là 4,8m²).

Xác định tài sản trên đất có nhà vệ sinh xây gạch, mái tôn có diện tích là 20m² (nhà bỏ hoang đã lâu). Ngoài ra hội đồng thẩm định xác định không còn tài sản chung nào trên thửa đất nói trên.

[3.3] Từ những phân tích như trên, theo các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ việc thì có đủ căn cứ để xác định phân quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, của người phải thi hành án là chị Phạm Thị T. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn L.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí, án phí: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 27; khoản 1 Điều 35; điểm n khoản 1 Điều 39; Điều 366; Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 28; Điều 33; Điều 34; Điều 37 và Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 74 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn L về việc xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của người phải thi hành án là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất mang tên người sử dụng chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T, tại làng BS, xã TL, huyện NL, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH) có tổng diện tích được xác định theo hiện trạng đo thực tế là 120,5m². (có sơ đồ kèm theo).

Xác định chị Phạm Thị T được quyền sở hữu 1/2 diện tích đất hiện tại chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T đang sử dụng, trong tổng diện tích thực tế là 120,5m² đất ở nông thôn, đất trồng cây hàng năm và 1/2 tài sản trên đất, bao gồm 01 nhà vệ sinh xây gạch, mái tôn có diện tích là 20m² (nhà bỏ hoang đã lâu) địa chỉ thửa đất tại làng BS, xã TL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH (Nay là thôn HS, xã TL, tỉnh TH), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị T và Phạm Văn T.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Văn L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0007656 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH. Anh Phạm Văn L đã nộp đủ lệ phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV 10 - TH;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV 10 - TH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Xuân Thành

